

Số: 52/QĐ-CTHADS

Cà Mau, ngày 22 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước
năm 2020

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017 ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 1740/TT-BTP ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Tư Pháp ban hành quy định phân cấp ủy quyền quản lý tài chính, tài sản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông báo số 312/TB - TCTHADS ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Tổng Cục Thi hành án dân sự về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KHTC-TCTHADS (b/c);
- Lãnh đạo Cục (biết);
- Niêm yết trụ sở Cục;
- Lưu: VT, KTNS.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Huỳnh Hoàng Khâm

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau
Chương: 014



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 52/QĐ-CTHADS ngày 22/12/2021 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	VP Cục	Chi cục THADS tp Cà Mau	Chi cục THADS huyện U Minh	Chi cục THADS huyện Thới Bình	Chi cục THADS huyện Cái Nước
I	2	3	4	5=4-3	6	7	8	9	10
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
I	Số thu phí thi hành án dân sự	4.741.305.467	4.741.305.467	0	567.652.805	1.594.271.660	214.990.200	333.989.000	387.291.850
I	Phí thi hành án dân sự	4.741.305.467	4.741.305.467		567.652.805	1.594.271.660	214.990.200	333.989.000	387.291.850
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	2.324.059.693	2.324.059.693	0	195.580.645	527.294.726	85.068.000	76.000.233	562.872.781
I	Chi quản lý hành chính	2.324.059.693	2.324.059.693	0	195.580.645	527.294.726	85.068.000	76.000.233	562.872.781
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.274.107.693	2.274.107.693		195.580.645	489.598.204	85.068.000	76.000.233	562.872.781
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	49.952.000	49.952.000			37.696.522			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.232.265.365	1.232.265.365	0	148.991.701	413.447.915	55.820.550	88.223.500	101.939.712
I	Phí Thi hành án dân sự	1.232.265.365	1.232.265.365		148.991.701	413.447.915	55.820.550	88.223.500	101.939.712
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước								
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.339.305.322	24.339.305.322	0	6.423.812.322	3.301.803.000	1.436.033.000	1.820.276.000	1.920.898.000
I	Chi quản lý hành chính	24.339.305.322	24.339.305.322	0	6.423.812.322	3.301.803.000	1.436.033.000	1.820.276.000	1.920.898.000
I.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	22.221.108.322	22.221.108.322		5.036.640.322	3.251.283.000	1.406.093.000	1.716.724.000	1.877.307.000
I.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.118.197.000	2.118.197.000		1.387.172.000	50.520.000	29.940.000	103.552.000	43.591.000

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau
Chương: 014



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CTHADS ngày 22/12/2021 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Cà Mau)

Số TT	Nội dung	Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời	Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển	Chi cục THADS huyện Năm Căn	Chi cục THADS huyện Phú Tân	Chi cục THADS huyện Đầm Dơi
1	2	11	12	13	14	15
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí thi hành án dân sự	527.961.518	51.548.185	298.567.740	341.562.269	423.470.240
1	Phí thi hành án dân sự	527.961.518	51.548.185	298.567.740	341.562.269	423.470.240
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	143.564.913	47.557.314	112.614.295	108.372.165	465.134.621
I	Chi quản lý hành chính	143.564.913	47.557.314	112.614.295	108.372.165	465.134.621
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	131.309.435	47.557.314	112.614.295	108.372.165	465.134.621
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.255.478				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	134.401.129	13.586.297	77.061.434	87.909.817	110.883.310
I	Phí Thi hành án dân sự	134.401.129	13.586.297	77.061.434	87.909.817	110.883.310
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.064.167.000	1.664.145.000	1.671.636.000	1.968.561.000	2.067.974.000
I	Chi quản lý hành chính	2.064.167.000	1.664.145.000	1.671.636.000	1.968.561.000	2.067.974.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.967.902.000	1.545.915.000	1.564.101.000	1.883.476.000	1.971.667.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	96.265.000	118.230.000	107.535.000	85.085.000	96.307.000